BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - BỘ NỘI VỤ - BỘ TÀI CHÍNH

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - BỘ NỘI VỤ - BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC	*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2015*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục và cơ chế tài chính để thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và

công nghệ quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 40/2014/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc áp dụng chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, dựa trên thành tích khoa học và công nghệ; mỗi thành tích chỉ được xét 01 lần để áp dụng chính sách ưu đãi trong sử dụng.

Trường hợp phát hiện gian dối về hồ sơ, lý lịch để được hưởng chính sách ưu đãi trong sử dụng quy định tại Thông tư này thì bị xem xét hủy quyết định liên quan đến việc hưởng ưu đãi trong sử dụng và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chính sách trọng dụng được áp dụng với các đối tượng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; khi không còn đáp ứng một trong các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì thôi hưởng chính sách trọng dụng.

Điều 4. Thành tích khoa học và công nghệ để xem xét áp dụng chính sách sử dụng, trọng dụng

1. Bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế; báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế được in trong kỷ yếu hội thảo đã được xuất bản; sách chuyên khảo đã được xuất bản theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu về bài báo khoa học đã được công bố, sách chuyên khảo đã được xuất bản thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Danh mục tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế được xác định theo Quyết định phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hàng năm.

2. Giải thưởng khoa học và công nghệ trong nước, quốc tế.

3. Sáng chế, giải pháp hữu ích đã được cấp văn bằng bảo hộ hoặc đã được ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn.

4. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

Chương II
CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI TRONG SỬ DỤNG CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1
XÉT TUYỂN DỤNG ĐẶC CÁCH

Điều 5. Tiêu chuẩn xét tuyển dụng đặc cách viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

Cá nhân được xem xét xét tuyển đặc cách vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ và được bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ khi đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

1. Các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV).

3. Có thành tích khoa học và công nghệ quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 6. Thành tích khoa học và công nghệ để xét tuyển dụng đặc cách viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

1. Xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh Trợ lý nghiên cứu, Kỹ thuật viên (hạng IV) nếu trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển cá nhân đạt một trong các thành tích sau:

a) Có bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh về thành tích khoa học và công nghệ;

b) Là tác giả của 02 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín trong nước hoặc quốc tế.

2. Xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh Nghiên cứu viên, Kỹ sư (hạng III) nếu trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển cá nhân đạt hai trong các thành tích sau:

a) Có bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh về thành tích khoa học và công nghệ;

b) Là tác giả của 02 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín trong nước hoặc quốc tế;

c) Là chủ biên của 01 sách chuyên khảo;

d) Có sáng chế, giải pháp hữu ích quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

3. Xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh Nghiên cứu viên chính, Kỹ sư chính (hạng II) nếu tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển cá nhân đạt đồng thời các thành tích sau:

a) Đã chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp Bộ trở lên, được nghiệm thu ở mức đạt hoặc chủ trì nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ ở nước ngoài;

b) Tác giả của 05 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong nước; hoặc 02 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học có uy tín quốc tế; hoặc chủ biên 02 sách chuyên khảo; hoặc có 01 sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ; hoặc đạt giải thưởng về khoa học và công nghệ.

4. Yêu cầu đối với bài báo khoa học được công bố và sách chuyên khảo thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

Điều 7. Quy trình xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học và chức danh công nghệ

1. Thông báo xét tuyển dụng đặc cách

Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ thông báo công khai nhu cầu tuyển dụng trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng (báo viết, báo nói, báo hình); đồng thời phải đăng tải trong thời hạn ít nhất 20 ngày làm việc trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc, trong đó ưu tiên xét tuyển đặc cách và bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với các đối tượng đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư này.

2. Hồ sơ xét tuyển dụng đặc cách

Cá nhân đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này nộp hồ sơ xét tuyển đặc cách vào vị trí việc làm tại đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ. Hồ sơ xét tuyển đặc cách gồm:

a) Đơn đăng ký xét tuyển đặc cách (theo Mẫu số 01/TDKHCN ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập, thành tích khoa học và công nghệ theo yêu cầu của vị trí xét tuyển. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 05 tháng 6 năm 2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe;

đ) Lý lịch khoa học của người đề nghị xét tuyển đặc cách;

e) Lý lịch tư pháp của người đề nghị xét tuyển đặc cách.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ tổng hợp danh sách kèm theo hồ sơ của cá nhân đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này để xem xét hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét việc xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ.

4. Việc xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III) thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ (hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng đặc cách viên chức) thành lập Hội đồng xét tuyển dụng đặc cách viên chức theo quy định tại Điều 8 Thông tư này để xét chọn ứng viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn được tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III);

b) Căn cứ kết quả xét chọn của Hội đồng xét tuyển dụng đặc cách, trong thời hạn 20 ngày làm việc, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp có hoạt động khoa học và công nghệ (hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tuyển dụng đặc cách viên chức) xem xét, quyết định công nhận kết quả xét tuyển dụng đặc cách viên chức;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả xét tuyển dụng đặc cách viên chức, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ (hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tuyển dụng đặc cách viên chức) ra quyết định tuyển dụng đặc cách viên chức và bổ nhiệm vào hạng chức danh.

5. Việc xét tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II) được thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp có hoạt động khoa học và công nghệ gửi hồ sơ đủ điều kiện xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II đến cơ quan chủ quản là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị xem xét tuyển dụng đặc cách;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xét tuyển đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II theo quy định tại Điều 8 Thông tư này;

c) Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thẩm định quá trình xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh

nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II trước khi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận kết quả xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II.

Việc thẩm định quá trình xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II phải được thực hiện trong thời hạn 20 ngày làm việc sau khi có kết quả của Hội đồng xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận kết quả xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II và gửi kết quả (kèm hồ sơ của các cá nhân đề nghị xét tuyển dụng và bổ nhiệm đặc cách) về Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị có ý kiến;

đ) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, có ý kiến trả lời;

e) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II.

Điều 8. Hội đồng xét tuyển đặc cách

1. Hội đồng xét tuyển đặc cách gồm 05 hoặc 07 thành viên.

Thành phần hội đồng xét tuyển đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 8 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Thành viên hội đồng không được là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người được đề nghị xét tuyển đặc cách và không đang trong quá trình thi hành kỷ luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét tuyển dụng đặc cách:

a) Kiểm tra các điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích khoa học và công nghệ quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này tương ứng với vị trí việc làm cần tuyển dụng;

b) Phỏng vấn về trình độ hiểu biết chung của người được đề nghị xét tuyển dụng đặc cách gắn với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

3. Hội đồng làm việc khi có mặt từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có văn bản kèm biên bản kết luận gửi cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định.

4. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 9. Cách tính điểm khi xét tuyển đặc cách

1. Mức độ đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn chức danh đăng ký xét tuyển tính thang điểm 100, hệ số 1.

2. Thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của người đăng ký xét tuyển dụng đặc cách tính thang điểm 100, hệ số 2.

3. Điểm phỏng vấn tính thang điểm 100, hệ số 1.

4. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm tính theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 10. Xác định người trúng tuyển

1. Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có điểm xét từng nội dung nêu tại điểm a, điểm b Khoản 2, Điều 8 Thông tư này đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có điểm thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xét tuyển dụng đặc cách viên chức quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.

3. Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều này thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng xét tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

4. Không thực hiện bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Điều 11. Chế độ tiền lương đối với người được xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ

1. Người được xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ quy định tại Thông tư này được hưởng 100% mức lương của chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng.

2. Việc xếp lương đối với người được xét tuyển dụng đặc cách vào làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện như sau:

a) Người được xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng III được xếp lương bậc 1 nếu có trình độ đại học, bậc 2 nếu có trình độ thạc sỹ, bậc 3 nếu có trình độ tiến sỹ;

b) Người được tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II được xếp lương bậc 1 của hạng chức danh tương ứng.

Trường hợp người được tuyển dụng đặc cách đang được hưởng mức lương cao hơn thì được xếp vào bậc lương tương đương hoặc cao hơn liền kề với mức lương được hưởng trước khi được tuyển dụng đặc cách.

Mục 2
ĐẶC CÁCH BỔ NHIỆM VÀO HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CAO HƠN KHÔNG QUA THI THĂNG HẠNG, KHÔNG PHỤ THUỘC NĂM CÔNG TÁC

Điều 12. Tiêu chuẩn xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác

Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đang giữ hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ được xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất và không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc không trong thời gian chờ kết luận về việc xem xét kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ ở hạng cao hơn hạng hiện giữ, quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV, trừ tiêu chuẩn về thời gian giữ hạng chức danh và tiêu chuẩn chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

3. Có thành tích quy định tại Điều 6 của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP.

Điều 13. Hồ sơ xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác

1. Cá nhân đáp ứng đủ tiêu chuẩn xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác quy định tại Điều 12 Thông tư này nộp Hồ sơ đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm hạng chức danh cao hơn tại đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ nơi công tác. Hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác (theo Mẫu số 02/TDKHCN ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý hồ sơ của viên chức;

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức;

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm;

đ) Lý lịch khoa học của viên chức (có xác nhận của cơ quan quản lý viên chức).

2. Hồ sơ đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II do cơ quan có thẩm quyền quyết định đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh khoa học, chức danh công nghệ lưu giữ, quản lý.

Điều 14. Quy trình xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ căn cứ kết quả rà soát vị trí việc làm và cơ cấu hạng chức danh viên chức khoa học và công nghệ thông báo nhu cầu về việc thăng hạng chức danh cho cá nhân đang giữ hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ.

2. Cá nhân đáp ứng đủ tiêu chuẩn xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ lập danh sách, kèm theo hồ sơ viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 12 Thông tư này để xem xét hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP xem xét bổ nhiệm vào hạng chức danh cao hơn.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ xét bổ nhiệm đặc cách, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm đặc cách chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ thành lập Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách theo quy định tại Điều 15 Thông tư này để xem xét, thẩm định hồ sơ.

5. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét bổ nhiệm đặc cách của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm đặc cách thông báo kết quả xét và quyết định bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác.

6. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác:

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ thông báo kết quả xét và quyết định bổ nhiệm đặc cách từ chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng IV lên hạng III;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo kết quả xét và quyết định bổ nhiệm đặc cách từ chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng III lên hạng II sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 15. Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng:

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ thành lập Hội đồng xét đặc cách bổ nhiệm từ chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng IV lên hạng III;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Hội đồng xét đặc cách bổ nhiệm từ chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng III lên hạng II.

2. Hội đồng gồm 05 hoặc 07 thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm đặc cách;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm đặc cách;

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức, viên chức giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét bổ nhiệm đặc cách;

d) Các ủy viên khác là những người có chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ chuyên ngành của người được đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh cao hơn;

đ) Thành viên hội đồng không được là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người được đề nghị xét bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn và không đang trong quá trình thi hành kỷ luật.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng:

a) Kiểm tra, thẩm định các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 12 Thông tư này;

b) Bỏ phiếu kín cho từng trường hợp và báo cáo kết quả xét với thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm đặc cách để đề nghị người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 6 Điều 14 Thông tư này quyết định bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác.

3. Hội đồng làm việc khi có mặt từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số.

4. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Mục 3
CÁC ƯU ĐÃI KHÁC

Điều 16. Ưu đãi đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

1. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (đối với cá nhân thuộc các tổ chức khoa học và công nghệ công lập của Bộ, ngành), tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với cá nhân thuộc các tổ chức khoa học và công nghệ công lập của địa phương và ngoài công lập) hoặc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (trường hợp Bộ, ngành, địa phương không có Quỹ phát triển khoa học và công nghệ) xem xét hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nội dung sau:

a) Tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế;

b) Công bố kết quả khoa học và công nghệ trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín;

c) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng.

Kinh phí thực hiện các nội dung nêu trên chỉ được xem xét hỗ trợ khi chưa được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Mức chi hỗ trợ cho các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này và hồ sơ, quy trình, thủ tục để được hỗ trợ kinh phí được thực hiện theo quy định của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương; Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

Chương III
CHÍNH SÁCH TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1
TRỌNG DỤNG NHÀ KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH

Điều 17. Lĩnh vực khoa học và công nghệ được xem xét lựa chọn nhà khoa học đầu ngành và số lượng nhà khoa học đầu ngành

1. Nhà khoa học đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP được đề xuất công nhận là nhà khoa học đầu ngành.

2. Lĩnh vực khoa học và công nghệ được xem xét để lựa chọn nhà khoa học đầu ngành được xác định theo Lớp 2 Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và trình độ phát triển của từng ngành khoa học xác định các ngành khoa học và công nghệ được xem xét, lựa chọn nhà khoa học đầu ngành.

4. Số lượng nhà khoa học đầu ngành của mỗi lĩnh vực là 01 người.

Điều 18. Hồ sơ xét chọn nhà khoa học đầu ngành

Hồ sơ xét chọn nhà khoa học đầu ngành gồm:

1. Bản đăng ký xét công nhận nhà khoa học đầu ngành (theo Mẫu số 03/TDKHCN ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ.

3. Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý.

4. Các tài liệu khác chứng minh đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP.

Điều 19. Đề xuất xét chọn nhà khoa học đầu ngành

1. Cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP thuộc những lĩnh vực được lựa chọn nhà khoa học đầu ngành theo quy định tại Điều 17 Thông tư này mà lĩnh vực đó chưa có nhà khoa học đầu ngành, nộp và hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận nhà khoa học đầu ngành tại tổ chức khoa học và công nghệ nơi đang công tác trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

2. Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học công tác căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP thành lập Hội đồng thẩm định để xác định nhà khoa học đủ điều kiện tham gia xét chọn nhà khoa học đầu ngành. Hội đồng thẩm định có không quá 05 thành viên, do Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ là Chủ tịch Hội đồng.

Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ gửi kết quả thẩm định kèm theo hồ sơ của cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn nhà khoa học đầu ngành đến Hội khoa học chuyên ngành trước ngày 15 tháng 3.

Điều 20. Đánh giá chuyên môn, đề xuất công nhận nhà khoa học đầu ngành

1. Ban Chấp hành Hội khoa học chuyên ngành tổ chức đánh giá chuyên môn đối với hồ sơ xét chọn nhà khoa học đầu ngành theo quy trình sau đây:

a) Xem xét hồ sơ, đánh giá mức độ đạt tiêu chuẩn nhà khoa học đầu ngành theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP;

b) Nhận xét, đánh giá uy tín khoa học của ứng viên;

c) Bỏ phiếu kín đề xuất giới thiệu công nhận nhà khoa học đầu ngành. Mỗi thành viên Ban Chấp hành Hội khoa học chuyên ngành bỏ phiếu đề xuất công nhận nhà khoa học đầu ngành theo số lượng quy định tại Khoản 4 Điều 17 Thông tư này trong số các nhà khoa học đủ điều kiện tham gia xét chọn.

2. Đề xuất công nhận nhà khoa học đầu ngành

a) Ban Chấp hành Hội khoa học chuyên ngành đề xuất công nhận nhà khoa học đầu ngành đối với nhà khoa học được ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Ban Chấp hành Hội khoa học chuyên ngành đồng ý đề xuất công nhận là nhà khoa học đầu ngành;

b) Ban Chấp hành Hội khoa học chuyên ngành gửi kết quả xét chọn (gồm bản nhận xét, đánh giá uy tín khoa học của ứng viên, phiếu, biên bản kiểm phiếu, kết quả kiểm phiếu) và hồ sơ của nhà khoa học đến Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đang công tác; các trường hợp khác gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 5 để xem xét, quyết định công nhận nhà khoa học đầu ngành.

Điều 21. Quyết định công nhận nhà khoa học đầu ngành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chỉ đạo thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận nhà khoa học đầu ngành trước khi quyết định công nhận nhà khoa học đầu ngành và gửi danh sách nhà khoa học đầu ngành về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 7 hàng năm để tổng hợp.

2. Quyết định công nhận nhà khoa học đầu ngành được gửi về cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đầu ngành công tác để thực hiện chính sách trọng dụng.

Điều 22. Không tiếp tục công nhận, hủy công nhận nhà khoa học đầu ngành

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ định kỳ 5 năm giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhà khoa học đầu ngành để xem xét tiếp tục công nhận hoặc không tiếp tục công nhận nhà khoa học đầu ngành.

a) Tiếp tục công nhận nhà khoa học đầu ngành đối với nhà khoa học đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 và hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP;

b) Không tiếp tục công nhận, hủy công nhận nhà khoa học đầu ngành thực hiện theo quy đinh tại các Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 20 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP.

2. Quyết định không tiếp tục công nhận hoặc hủy công nhận nhà khoa học đầu ngành được gửi về cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đang công tác.

Điều 23. Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành

1. Nhà khoa học đầu ngành được hưởng các ưu đãi sau:

a) Hưởng ưu đãi hàng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng kể từ khi có quyết định công nhận là nhà khoa học đầu ngành của cơ quan có thẩm quyền;

b) Được cấp kinh phí hàng năm theo đề xuất để thực hiện các hoạt động của nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc lĩnh vực chuyên môn. Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đang công tác quyết định thành lập nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc lĩnh vực chuyên môn theo đề xuất của nhà khoa học;

c) Được hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP.

Kinh phí thực hiện các nội dung nêu trên chỉ được xem xét hỗ trợ khi chưa được cấp hoặc hỗ trợ từ nguồn kinh phí khác.

2. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành

a) Kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này được bố trí từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ; được giao và ghi thành một nội dung riêng trong dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đầu ngành công tác;

b) Mức kinh phí cho các nội dung quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều này tối đa là 1.500 triệu đồng/năm, việc điều chỉnh mức kinh phí này do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính thống nhất. Việc sử dụng kinh phí này được kiểm tra, đánh giá hàng năm để bảo đảm sử dụng có hiệu quả;

c) Hàng năm, các tổ chức khoa học và công nghệ có nhà khoa học đầu ngành dự toán kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành gửi cơ quan chủ quản tổng hợp chung vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp và đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ.

3. Mức chi cho các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo định mức chi hiện hành, trường hợp chưa có định mức chi các nội dung này được chi theo thực tế. Các khoản chi phải có đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định.

4. Trách nhiệm của nhà khoa học đầu ngành:

a) Hàng năm, lập dự toán đối với nội dung chi quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều này gửi tổ chức khoa học và công nghệ nơi công tác tổng hợp để gửi cơ quan chủ quản tổ chức khoa học và công nghệ xem xét, phê duyệt.

b) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình đối với tổ chức khoa học và công nghệ nơi công tác và cơ quan chủ quản tổ chức khoa học và công nghệ để xem xét việc tiếp tục bố trí hoặc không bố trí kinh phí quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đầu ngành công tác quyết toán kinh phí quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều này sau ngày 31/12 hàng năm, trường hợp sử dụng không hết kinh phí thì xử lý như sau:

Đối với dự toán chi hỗ trợ đã giao cho các tổ chức khoa học và công nghệ nhưng không sử dụng hết thì hủy bỏ dự toán theo quy định; đối với kinh phí đã cấp cho nhà khoa học đầu ngành nhưng không sử dụng hết hoặc sử dụng không đúng mục đích thì nhà khoa học đầu ngành phải nộp trả lại tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học công tác để hoàn trả ngân sách nhà nước chậm nhất đến hết ngày 31/01 năm sau.

6. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Dừng áp dụng chính sách trọng dụng và hoàn trả kinh phí đối với Nhà khoa học không được tiếp tục công nhận, hủy công nhận nhà khoa học đầu ngành

1. Đối với Nhà khoa học không được tiếp tục công nhận là nhà khoa học đầu ngành, việc dừng áp dụng chính sách trọng dụng và hoàn trả kinh phí được thực hiện như sau:

Kể từ ngày quyết định không tiếp tục công nhận nhà khoa học đầu ngành có hiệu lực, nhà khoa học không được hưởng các chính sách ưu đãi quy định tại Điều 23 Thông tư này và phải nộp hoàn trả ngân sách nhà nước kinh phí đã được cấp nhưng chưa sử dụng trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định, trừ kinh phí đối với hoạt động của nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc lĩnh vực chuyên môn trong trường hợp nhóm này được quyết định tiếp tục cấp kinh phí.

Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đầu ngành công tác quyết định việc tiếp tục hoặc không tiếp tục cấp kinh phí đối với hoạt động của nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc lĩnh vực chuyên môn được thành lập

theo đề xuất của nhà khoa học đầu ngành. Trường hợp không tiếp tục cấp kinh phí thì phải nộp hoàn trả ngân sách nhà nước phần kinh phí đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

2. Đối với Nhà khoa học bị hủy công nhận là nhà khoa học đầu ngành, việc dừng áp dụng chính sách trọng dụng và hoàn trả kinh phí được thực hiện như sau:

a) Kể từ ngày quyết định hủy công nhận nhà khoa học đầu ngành có hiệu lực, nhà khoa học không được xét công nhận trong các lần tiếp theo và không được hưởng các chính sách ưu đãi được quy định tại Điều 23 Thông tư này;

Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đầu ngành công tác quyết định việc tiếp tục hoặc không tiếp tục cấp kinh phí đối với hoạt động của nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc lĩnh vực chuyên môn được thành lập theo đề xuất của nhà khoa học đầu ngành. Trường hợp không tiếp tục cấp kinh phí thì phải nộp hoàn trả ngân sách nhà nước phần kinh phí đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định hủy công nhận nhà khoa học đầu ngành có hiệu lực, nhà khoa học phải hoàn trả ngân sách nhà nước tại kho bạc nhà nước nơi tổ chức khoa học và công nghệ có nhà khoa học đầu ngành đang công tác mở tài khoản các khoản kinh phí sau:

Toàn bộ số kinh phí ưu đãi nhà khoa học đã được hưởng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 23 Thông tư này; kinh phí chưa sử dụng, trừ kinh phí đối với hoạt động của nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc lĩnh vực chuyên môn trong trường hợp nhóm này được quyết định tiếp tục cấp kinh phí; kinh phí sử dụng sai mục đích.

Mục 2
TRỌNG DỤNG NHÀ KHOA HỌC ĐƯỢC GIAO CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA ĐẶC BIỆT QUAN TRỌNG

Điều 25. Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng

Trong thời gian được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, nhà khoa học được hưởng các ưu đãi sau:

1. Được hưởng mức lương tương đương chuyên gia cao cấp bậc 3 và hưởng ưu đãi hàng tháng bằng 100% mức lương trước thời điểm được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng.

2. Được bố trí phương tiện đi lại; bố trí nhà ở công vụ theo Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn nhà ở công vụ. Trường hợp cơ quan chủ trì nhiệm vụ không bố trí được phương tiện đi lại, nhà ở công vụ thì được thuê phương tiện đi lại, nhà ở với tiêu chuẩn tương đương.

3. Được chủ động sử dụng kinh phí được giao theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng theo quy định để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng với các nội dung sau:

a) Thực hiện các nội dung theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e và điểm h Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP;

b) Thuê hoặc mời chuyên gia trong nước và nước ngoài;

c) Thuê phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện nhiệm vụ;

d) Mua sắm trang thiết bị, vật tư khoa học phục vụ nhiệm vụ trong trường hợp đặc biệt do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng quyết định.

4. Quyền huy động nhân lực thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng.

a) Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng được quyền đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều động nhân lực khoa học và công nghệ, huy động các tổ chức khoa học và công nghệ tham gia thực hiện nhiệm vụ;

b) Tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm ưu tiên, tạo điều kiện cho nhân lực thuộc tổ chức tham gia thực hiện nhiệm vụ khi được điều động. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng, các cá nhân, tổ chức bắt buộc phải tham gia khi được điều động.

Điều 26. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng

1. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng quy định tại Điều 25 Thông tư này được bố trí từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đã được ký kết.

3. Việc lập dự toán, quản lý sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng được thực hiện như đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia.

Mục 3
TRỌNG DỤNG NHÀ KHOA HỌC TRẺ TÀI NĂNG

Điều 27. Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng

1. Nhà khoa học trẻ tài năng là cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 23 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP.

2. Nhà khoa học trẻ tài năng được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 6 Điều 24 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP.

3. Nhà khoa học trẻ tài năng được xem xét cấp hoặc hỗ trợ kinh phí tối đa đến 300 triệu đồng/năm để thực hiện các nội dung sau:

a) Cấp hoặc hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc lĩnh vực chuyên môn do nhà khoa học trẻ tài năng thành lập.

Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ công lập (đối với nhà khoa học trẻ tài năng thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập) hoặc Giám đốc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập) hoặc Giám đốc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập và địa phương không có Quỹ phát triển khoa học và công nghệ) căn cứ đề nghị của nhà khoa học trẻ tài năng đối với hoạt động của nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc lĩnh vực chuyên môn để xem xét việc cấp hoặc hỗ trợ kinh phí.

b) Hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn;

c) Hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nội dung theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 24 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP.

Điều 28. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng

1. Đối với nhà khoa học trẻ tài năng thuộc các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

a) Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng quy định tại Điều 27 Thông tư này được bố trí từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ trong dự toán giao cho tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Mức chi được thực hiện theo định mức chi hiện hành, trường hợp chưa có định mức chi các nội dung này được chi theo thực tế. Các khoản chi phải có đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định;

c) Nhà khoa học trẻ tài năng lập dự toán đối với nội dung chi quy định tại Khoản 3 Điều 27 Thông tư này trình cơ quan quản lý trực tiếp nhà khoa học tổng hợp.

2. Đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

a) Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng quy định tại Điều 27 Thông tư này được cấp từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (địa phương có Quỹ phát triển khoa học và công nghệ) hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (địa phương không có Quỹ phát triển khoa học và công nghệ);

b) Mức chi và hồ sơ, quy trình, thủ tục để được hỗ trợ kinh phí được thực hiện theo quy định của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

3. Hàng năm, nhà khoa học trẻ tài năng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 27 Thông tư này với tổ chức khoa học và công nghệ công lập (đối với nhà khoa học trẻ tài năng thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập) hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập) hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập và địa phương không có Quỹ phát triển khoa học và công nghệ) để xem xét việc tiếp tục hỗ trợ, không hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng.

4. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Hàng năm, đơn vị sự nghiệp có hoạt động khoa học và công nghệ xem xét, đánh giá kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của cá nhân để áp dụng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền áp dụng chính sách ưu đãi sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại Thông tư này hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ về Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ NỘI VỤ** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** **THỨ TRƯỞNG**
Trần Anh Tuấn	**Huỳnh Quang Hải**	**Trần Quốc Khánh**

PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính)

1. **Mẫu số 01/TDKHCN**: Đơn đăng ký xét dự tuyển đặc cách vào chức danh... hạng...

2. **Mẫu số 02/TDKHCN**: Đơn đề nghị xét bổ nhiệm đặc cách từ chức danh... hạng... lên hạng...

3. **Mẫu số 03/TDKHCN**: Bản đăng ký xét công nhận nhà khoa học đầu ngành...

Mẫu số 01/TDKHCN
21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH
VÀO CHỨC DANH.....(1) **HẠNG.....**(2)

Họ và tên: Nam, Nữ:
Ngày sinh:
Quê quán:
Hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện nay:
Điện thoại liên lạc:
Dân tộc:
Trình độ và chuyên ngành đào tạo:
Đối tượng ưu tiên (nếu có): (3)
Sau khi nghiên cứu điều kiện đăng ký xét tuyển dụng đặc cách vào hạng chức danh của .....(4), tôi thấy có đủ điều kiện để tham dự kỳ xét tuyển ở vị trí chức danh..... hạng.....(5). Vì vậy, tôi làm đơn này đăng ký dự xét tuyển đặc cách vào hạng chức danh theo thông báo của quý cơ quan, đơn vị.
Nếu trúng tuyển tôi sẽ chấp hành các quy định của Nhà nước và của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.
Tôi gửi kèm theo đơn này hồ sơ dự tuyển, gồm:
1. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật.
2. Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập, gồm:.....(6)
3. Tài liệu chứng minh những kết quả khoa học và công nghệ đạt được.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 02 phong bì (ghi rõ địa chỉ liên lạc), 02 ảnh cỡ 4 x 6.
Tôi cam đoan hồ sơ dự tuyển của tôi là đúng sự thật. Nếu sai sự thật, kết quả tuyển dụng của tôi hủy bỏ và tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Kính đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Ghi rõ chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ;
(2), (5) Ghi đúng vị trí hạng chức danh cần tuyển của đơn vị tuyển dụng;
(3) Ghi rõ đối tượng ưu tiên theo quy định;
(4) Ghi đúng tên đơn vị có thông báo tuyển dụng;
(6) Ghi rõ tên của các bản chụp, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, gửi kèm đơn đăng ký dự tuyển.

Mẫu số 02/TDKHCN
21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT BỔ NHIỆM ĐẶC CÁCH
vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng không phụ thuộc vào năm công tác, chức danh.....(1) từ hạng..... lên hạng.....

Kính gửi: Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng không phụ thuộc vào năm công tác

Họ và tên (chữ in hoa):..... Nam (nữ):.....
Ngày sinh: .....
Nơi ở hiện nay:.....
Đơn vị công tác: .....
Chức vụ/chức danh chuyên môn:..... mã số:.....
Ngày tháng năm được tuyển dụng.....
Hạng chức danh:..... mã số:.....
Hệ số lương hiện hưởng..... Được hưởng từ ngày:...../...../.....
Thời gian xét nâng lương lần sau:.....
Điện thoại liên hệ:..... Email.....

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; căn cứ thông báo số.... ngày.... của....(2) về nhu cầu thăng hạng chức danh cho cá nhân đang giữ hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ. Tôi tự nhận thấy đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để được xét bổ nhiệm đặc cách đối với chức danh.... hạng.... (ghi rõ hạng chức danh, bậc đăng ký dự xét bổ nhiệm đặc cách)....

Kính đề nghị Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách xem xét và chấp thuận cho tôi được tham dự kỳ thi thăng hạng lên chức danh..... hạng.....

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo đơn này gồm có:
1. .....
2. .....
3. .....
4. .....

Ghi chú:
(1) Ghi rõ chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ;
(2) Ghi rõ tổ chức khoa học và công nghệ nơi có thông báo về nhu cầu thăng hạng chức danh.

Mẫu số 03/TDKHCN
21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN
NHÀ KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH.....

Kính gửi:
(- Cơ quan, đơn vị đang công tác;
- Hội khoa học chuyên ngành;
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (quản lý ngành))

Tên tôi là (chữ in hoa):..... Nam/Nữ:.....
Ngày tháng năm sinh:.....
Nơi ở hiện nay:.....
Đơn vị công tác:.....
Chức vụ:.....
Trình độ và chuyên ngành đào tạo:.....
Ngày tháng năm được tuyển vào vị trí việc làm/HĐLV:.....
Hạng chức danh khoa học/chức danh công nghệ hiện nay:..... mã số:.....
Thời gian xếp:.....
Hệ số lương hiện hưởng:..... ngày tháng năm xếp: / /
Sau khi nghiên cứu các quy định về việc công nhận nhà khoa học đầu ngành tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số....., tôi tự đánh giá bản thân có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn để tham gia xét chọn nhà khoa học đầu ngành ngành.....
Tôi làm đơn này kính đề nghị..... (như phần kính gửi) xem xét cho tôi được tham gia xét chọn nhà khoa học đầu ngành.
Tôi xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày... tháng... năm...
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo đơn này gồm có:
1. .....
2. .....
3. .....
4. .....
5. .....